| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN C**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 26-02-2024<br>V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hoàng Thế Khuynh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Ngô Thị Thu Huyền;

Ông Vi Thành Trung.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Âu Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đàm Thị G, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Trung N, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đàm Thị G trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Trung N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu trước. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/10/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà chồng ở thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đến tháng 7/2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hoàng Trung N không chung thủy, có quan hệ ngoài luồng ở ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh Hoàng Trung N được nữa, chị Đàm Thị G yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Trung N.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Trung N có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 19/4/2021. Hiện cháu đang ở cùng với anh Hoàng Trung N và ông bà nội ở thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Đàm Thị G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh Hoàng Trung N sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Trung N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và phiên hòa giải, anh Hoàng Trung N trình bày:

Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống ban đầu của hai vợ chồng đúng như chị Đàm Thị G trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thi thoảng cũng có mâu thuẫn, to tiếng nhưng cũng chỉ là các nội dung nhỏ nhặt trong cuộc sống, chỉ đến tháng 8 năm 2023 vừa qua, giữa hai vợ chồng xảy ra cãi vã, đỉnh điểm, chị Đàm Thị G có nhắn tin cho anh N nói về việc đi phá thai và nói đó không phải là con của anh. Nay anh xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, do vậy chị Đàm Thị G yêu cầu ly hôn, anh N cũng nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Đàm Thị G có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 19/4/2021. Từ khi chị Đàm Thị G đi làm công ty lúc đó cháu B mới được hơn 01 tuổi vẫn do bố mẹ anh N chăm sóc hộ, thời gian gần đây, thì bản thân anh N đã nghỉ làm để về nhà chăm con. Hiện cháu đang học lớp mẫu giáo 2 tuổi B, Trường mầm non xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Gia đình anh N vẫn tạo mọi điều kiện cho cháu B được sinh sống cùng gia đình, tạo điều kiện cho bố con anh N có phòng riêng ở. Cuối tuần, chị Đàm Thị G vẫn về nhà thăm con, gia đình vẫn tạo điều kiện cho chị Đàm Thị G được thăm nom con, không cấm cản gì. Do cháu B hiện tại đang ổn định sinh sống, không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, do vậy khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Đàm Thị G phải cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý với

yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Đàm Thị G. Mặc dù hiện tại anh N ở nhà không có thu nhập ổn định nhưng anh N có điều kiện chỗ ăn ở cho con và có thời gian chăm sóc con hơn.

Về tài sản chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Đàm Thị G vẫn giữ yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung, chị G chứng minh điều kiện nuôi con tốt hơn. Chị G đang đi làm tại công ty L1 ở Bắc Giang với mức thu nhập trung bình từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng, hàng ngày đi làm có xe đưa đón, tối vẫn về với con. Ở nhà có ông bà ngoại hỗ trợ, bố, mẹ của chị G đã cam kết tạo điều kiện cho mẹ con chị sinh sống tại nhà ngoại tại Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (có văn bản đã nộp trong hồ sơ). Về yêu cầu anh Hoàng Trung N cấp dưỡng nuôi con, chị Đàm Thị G cho rằng anh N không có việc làm ổn định nên chị rút yêu cầu không đòi hỏi anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Đàm Thị G ly hôn với anh Hoàng Trung N.

Về con chung: Căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 19/4/2021 cho chị Đàm Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Trung N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị Đàm Thị G đã rút yêu cầu nên cần đình chỉ, không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Đàm Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Đàm Thị G cung cấp gồm có:* Đơn khởi kiện; giấy chứng kết hôn; giấy khai sinh của con chung; giấy tờ tùy thân; bản

tự khai; xác nhận thông tin về cư trú; lịch sử chat; 06 bản ảnh; hợp đồng lao động giữa công ty TNHH L1 (VIỆT NAM) với chị Đàm Thị G; đơn xin xác nhận mức lương ngày 16/9/2023 của chị Đàm Thị G có xác nhận của Công ty TNHH L1 (VIỆT NAM); đơn đề nghị.

*Tài liệu chứng cứ do bị đơn anh Hoàng Trung N cung cấp gồm có:* Bản tự khai của anh Hoàng Trung N.

*Tài liệu do Tòa án thu thập được:* Biên bản xác minh với ông Hoàng Văn L.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên các bên không thống nhất, thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn anh Hoàng Trung N đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Chị Đàm Thị G và Kiểm sát viên không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên toà được tiếp tục. Xét thấy, bị đơn thuộc trường hợp cố ý vắng mặt, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đàm Thị G khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn anh Hoàng Trung N có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư trú tại thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị G và anh Hoàng Trung N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 27/10/2020 nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, nghi ngờ, không tin tưởng nhau, cả hai đều cho rằng người kia có quan hệ với người khác. Việc mâu thuẫn này, cả hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành, cả hai đều đồng ý ly hôn tuy nhiên anh Hoàng Trung N đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến phiên tòa để giải quyết vụ việc nên Hội đồng xét xử không thể công nhận việc thuận tình ly hôn mà xem xét yêu cầu ly hôn của chị Đàm Thị G đưa ra là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đàm Thị G và anh Hoàng Trung N có 01 con chung là cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 19/4/2021. Hiện cháu Hoàng Gia B đang sinh sống cùng với anh Hoàng Trung N và ông bà nội tại thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, điều này phù hợp với xác minh của Tòa án tại nhà ông Hoàng Văn L cũng như lời khai của các đương sự trong vụ án. Xét thấy chị Đàm Thị G có công việc ổn định, có ký hợp đồng với công ty L1 ở Bắc Giang với mức thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng còn anh Hoàng Trung N hiện nay không có việc làm ổn định, không chứng minh được thu nhập của mình. Về điều kiện chỗ ăn ở cho cháu Hoàng Gia B sau khi ly hôn, cả hai bên gia đình ông Hoàng Văn L (bố đẻ của anh Hoàng Trung N) cũng như gia đình ông Đàm Văn S (bố đẻ của chị Đàm Thị G) đều có ý kiến tạo điều kiện chỗ ăn, ở cho cháu Hoàng Gia B sau khi chị Đàm Thị G và anh Hoàng Trung N ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Hoàng Gia B hiện nay vẫn dưới 36 tháng tuổi, chị Đàm Thị G chứng minh được khả năng thu nhập hàng tháng và điều kiên chăm sóc, nuôi dưỡng con của mình do vậy giao cháu Hoàng Gia B cho chị Đàm Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Trong khi anh Hoàng Trung N không có mặt tại phiên tòa để chứng minh khả năng và điều kiện của mình nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Đàm Thị G; không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Hoàng Trung N.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đàm Thị G có yêu cầu anh Hoàng Trung N cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa, chị Đàm Thị G rút yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung nợ chung: Chị Đàm Thị G, anh Hoàng Trung N không có tài sản chung, nợ chung.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Đàm Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 217, 218, 219, 266, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị G. Xử cho chị Đàm Thị G được ly hôn với anh Hoàng Trung N.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Gia B, sinh ngày 19/4/2021 cho chị Đàm Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Hoàng Gia B đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Trung N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn chị Đàm Thị G yêu cầu bị đơn anh Hoàng Trung N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Đàm Thị G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Đàm Thị G đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003398 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đàm Thị G có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hoàng Trung N vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Vạn Linh, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Hoàng Thế Khuynh**